CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư ICAPITAL

Ngày 31/03/2025	5,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.8%	**23.9%**	**15.2%**

DT thuần
Q1/25
0.02
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.01| 50.0%

LN thuần
Q1/25
0.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.81| -89.1%
YoY: ▼1.17| -77.3%

LN sau thuế
Q1/25
4.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.16| 36.6%
YoY: ▲ 2.80| 184%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
29332%
YoY: +/-▲ 7141%

ROE (TTM)
Q1/25
6.0%
YoY: +/-▲ 1.7%

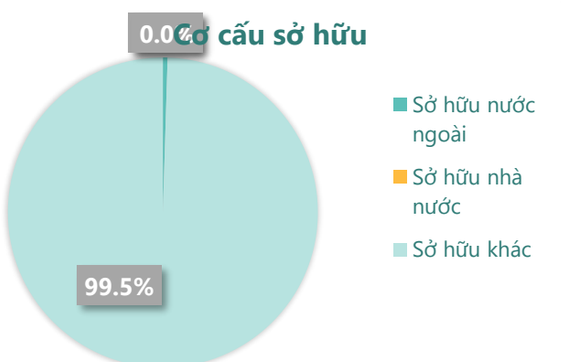
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,100 - 6,090
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	183
Số lượng CPLH (CP)	32,191,624
KLGD BQ 20 phiên (CP)	96,225
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	
EPS	687
P/E	8.3

DT thuần
2024
0.04
tỷ VNĐ
YoY: ▼108| -100.0%

LN thuần
2024
18.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.20| 21.1%

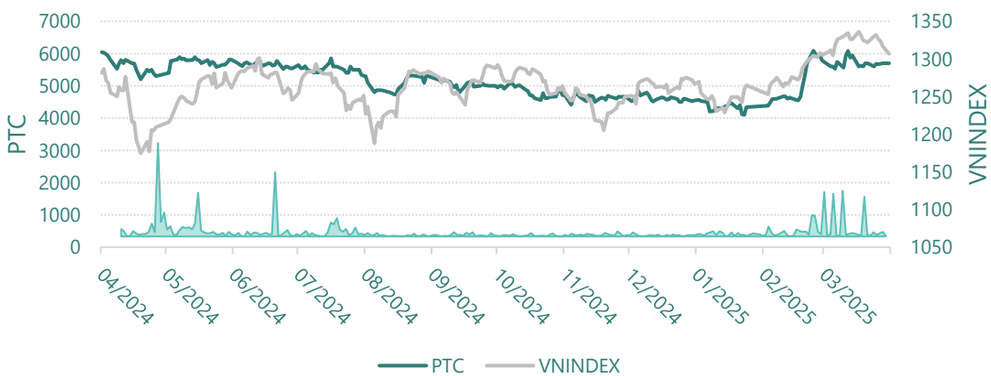
LN sau thuế
2024
19.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.40| 38.1%

Cơ cấu sở hữu

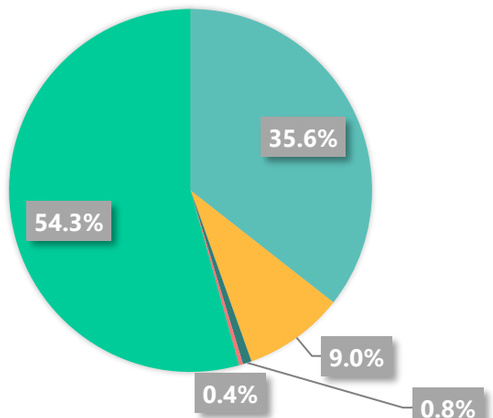


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

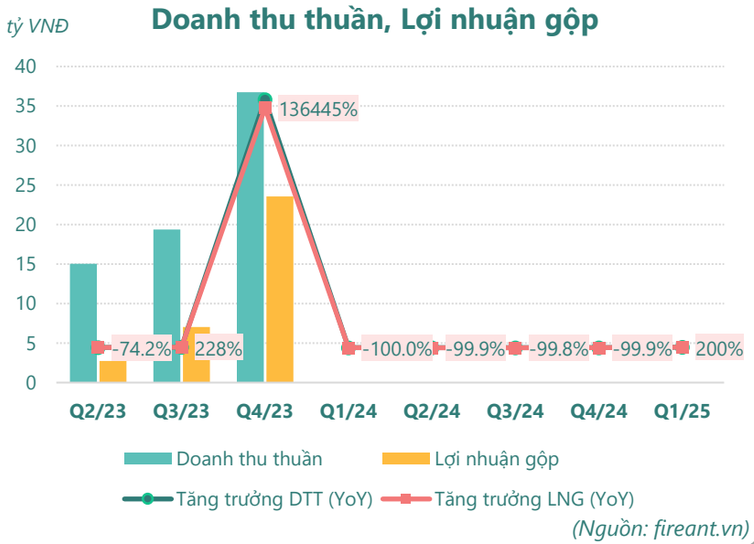


Cơ cấu cổ đông

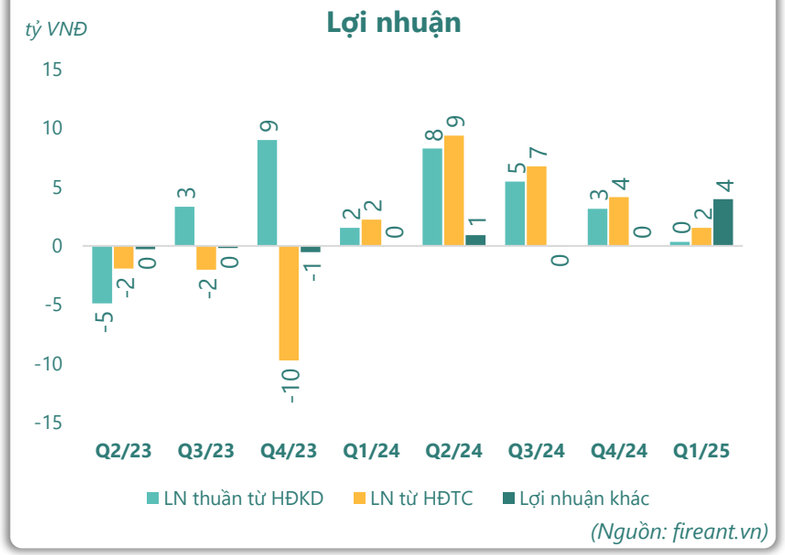


(Nguồn: fireant.vn)

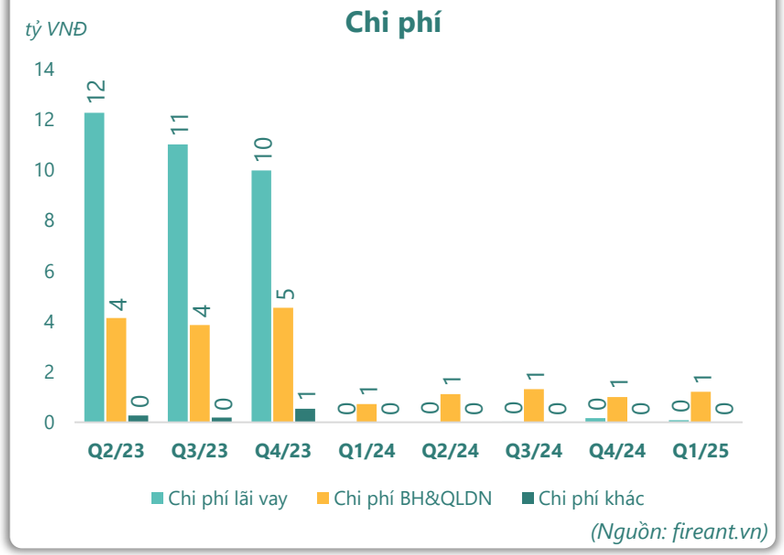
KẾT QUẢ KINH DOANH



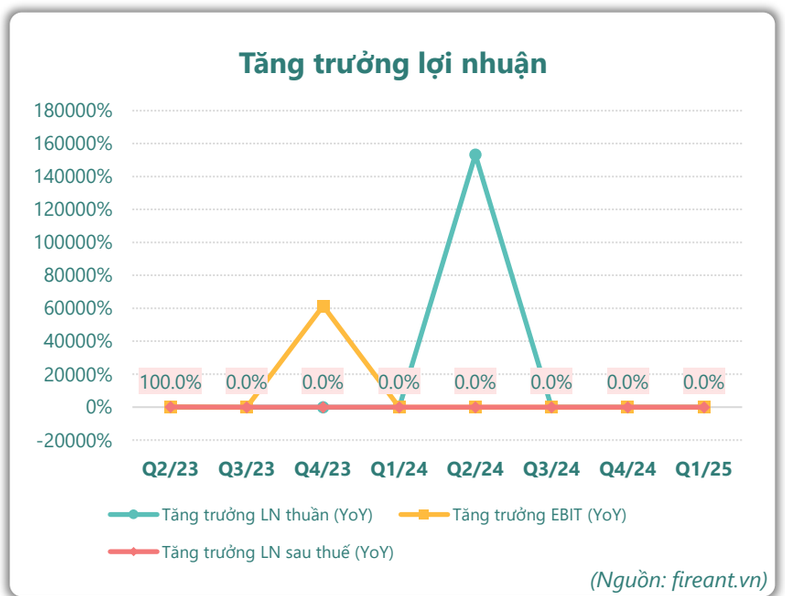
(Nguồn: fireant.vn)



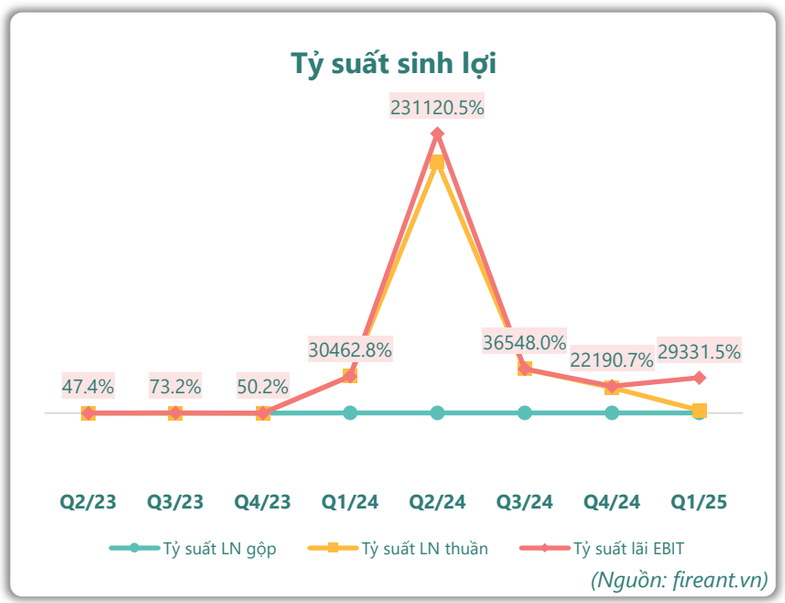
(Nguồn: fireant.vn)



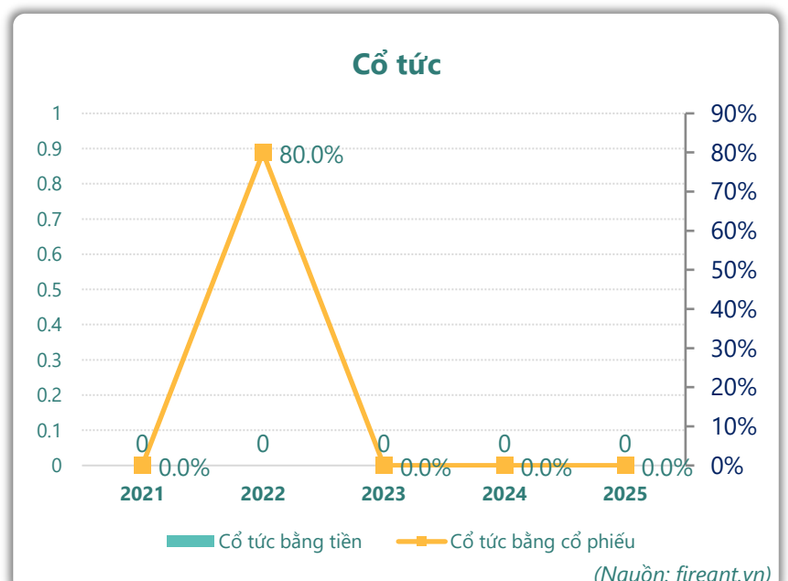
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



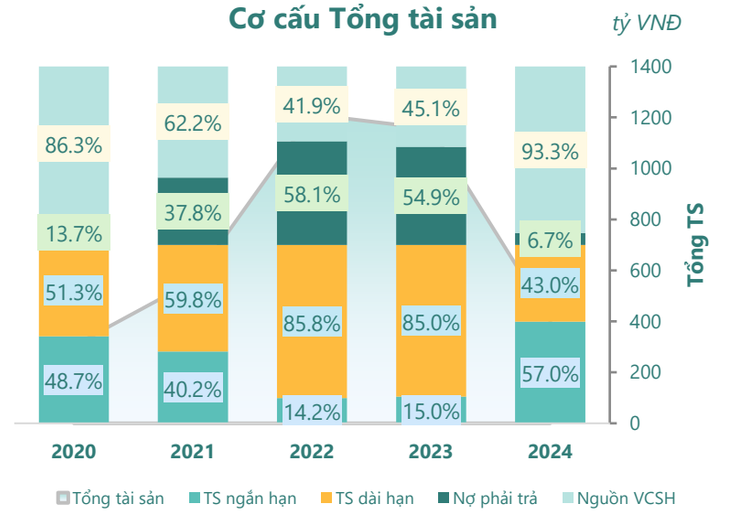
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

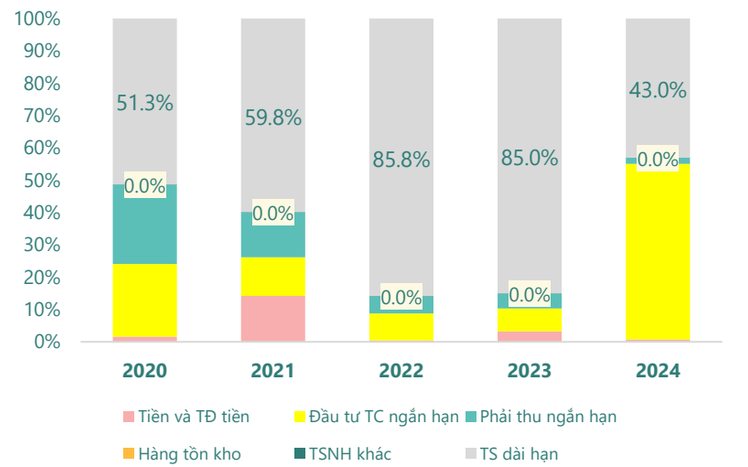
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



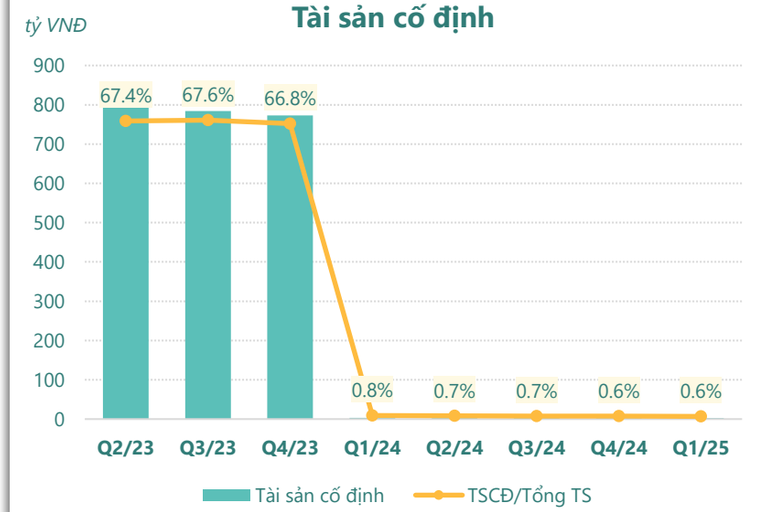
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



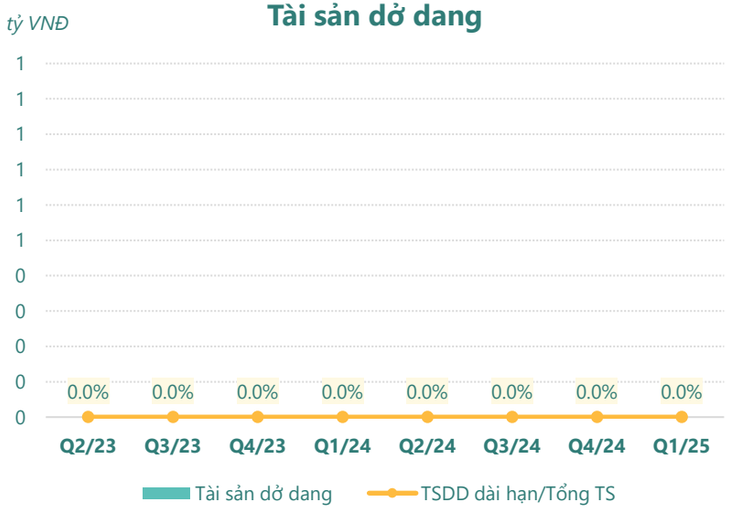
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



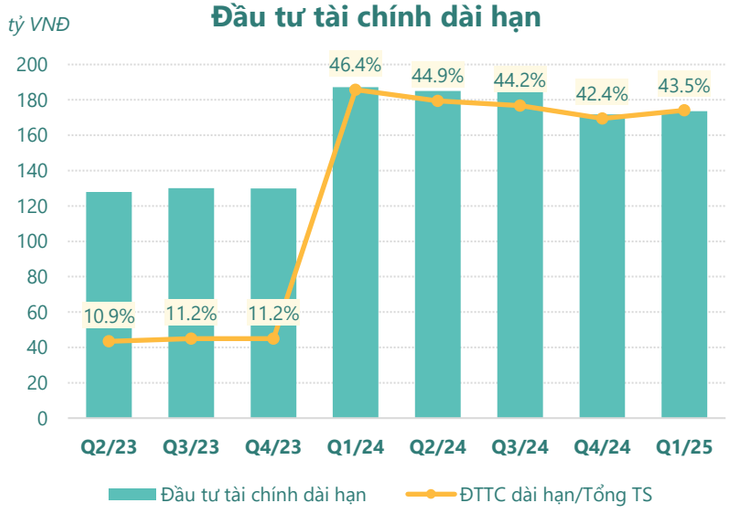
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



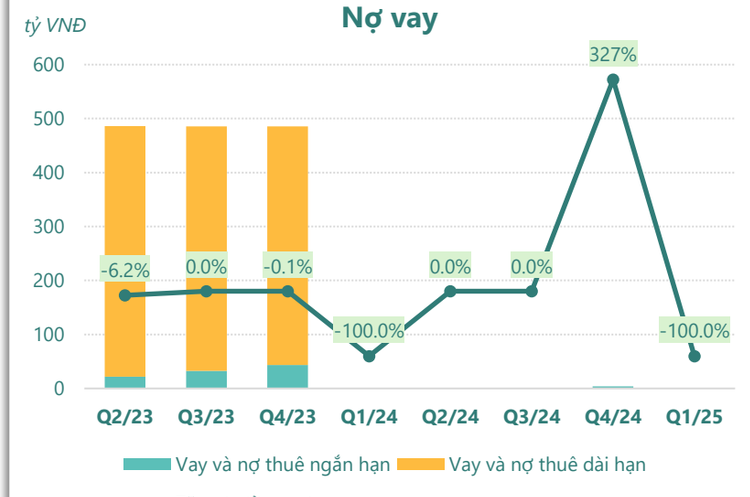
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

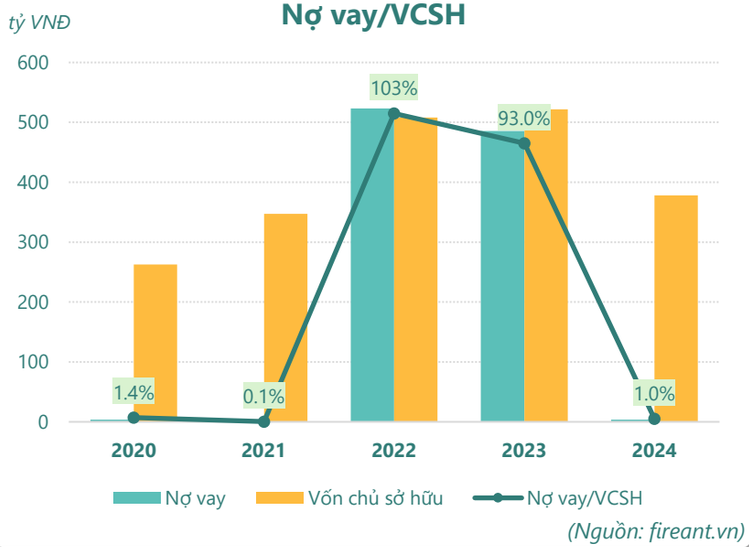
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

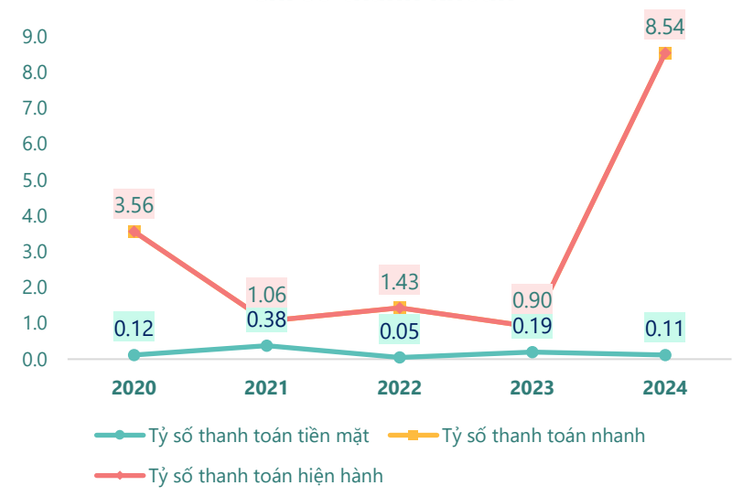
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



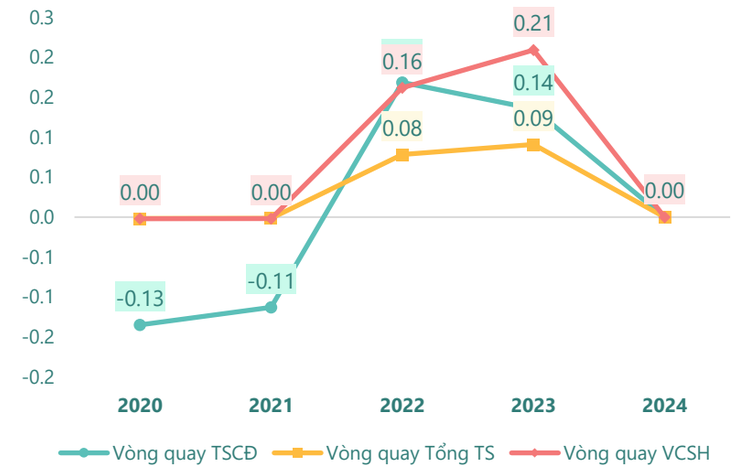
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



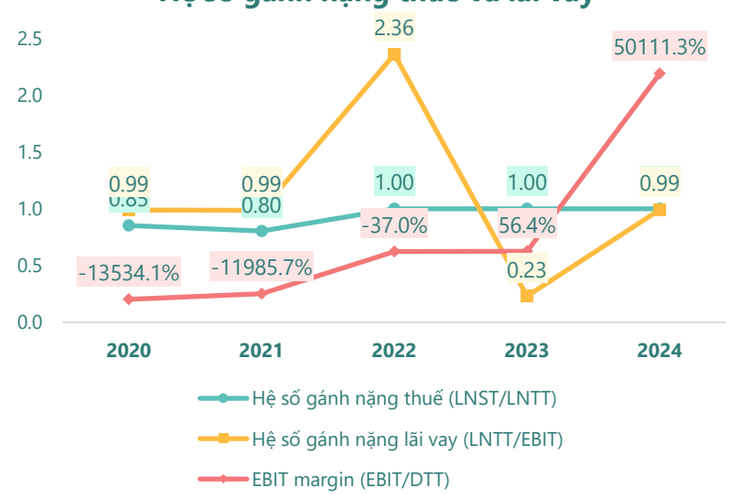
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



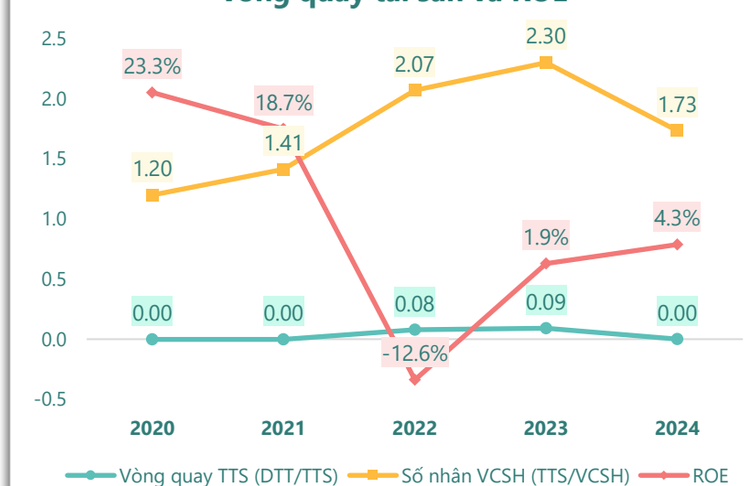
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



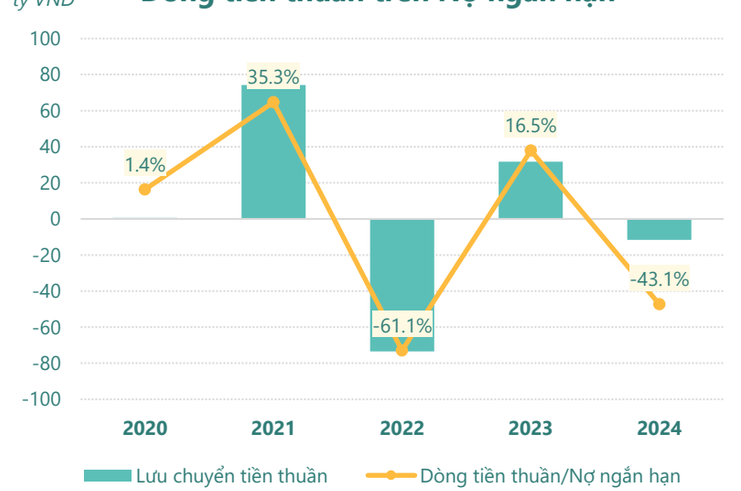
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.02**	**0.01**	**50.0%**	**0.04**	**108**	**-100.0%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	51.0	-100%
Lợi nhuận gộp	0.02	0.01	50.0%	0.04	56.7	-99.9%
Doanh thu HĐTC	12.4	1.42	771%	25.7	13.6	89.3%
Chi phí TC	10.8	-0.81	1436%	3.12	34.8	-91.0%
Chi phí lãi vay	0.08	0.00		0.18	46.8	-99.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**-3.94**	**100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.21**	**0.72**	**67.6%**	**4.14**	**16.3**	**-74.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.35	1.52	-77.3%	18.4	15.2	21.1%
Lợi nhuận khác	**3.97**	**0.00**		**0.92**	**-1.21**	**176%**
LN trước thuế	4.32	1.52	184%	19.4	14.0	38.1%
Lợi nhuận sau thuế	**4.32**	**1.52**	**184%**	**19.4**	**14.0**	**38.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.32**	**1.52**	**184%**	**19.4**	**10.0**	**93.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	121	-122	2.46	-54.6	36.7	6.64
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.7	126	-10.3	3.35	2.75	1.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-82.5	0	0	43.8	-40.1	-3.77
Tiền đầu kỳ	29.1	14.7	19.0	11.1	3.69	3.07
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.71**	**4.24**	**-7.87**	**-7.40**	**-0.62**	**4.41**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.4	19.0	11.1	3.69	3.07	7.48

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**399**	**405**	**-1.6%**
Tài sản ngắn hạn	223	231	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	7.48	3.07	144%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	209	220	-5.2%
Phải thu ngắn hạn	6.44	7.57	-14.9%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.32	0.31	5.0%
Tài sản dài hạn	**176**	**174**	**1.0%**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	-0.5%
Tài sản cố định	2.43	2.63	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	174	172	1.1%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.01**	**-4.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.3	27.0	-39.7%
Nợ ngắn hạn	**16.3**	**27.0**	**-39.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	3.77	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.47	0.43	10.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**382**	**378**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**382**	**378**	**1.1%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)